

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-12-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

2. Ông Phan Tấn Lãm

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước  
tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị L, sinh năm 1977 (Có mặt)

\* *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2020, các lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Hà Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị L và ông Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện NH, tỉnh ND vào ngày 06/6/2000. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng chỉ sau đó mấy tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân là do ông T hay uống rượu say về chửi bới, đánh đập bà L. Lần đầu, do không chịu đựng được bà L bỏ nhà đi từ năm 2003 đến năm 2010, ông T xin vợ chồng quay lại chung sống với nhau. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ gia đình thì ông T vẫn không thay đổi, mỗi lần nhậu say về là ông T kiểm soát chửi bới và đánh đập, xúc phạm đến bà L. Đến tháng 4 năm 2020 do không thể chịu đựng được nữa, bà L đã ra ngoài sống và ly thân với ông T từ đó cho đến nay.

Bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L, ông T có 02 người con chung là cháu Đoàn Văn Đ, sinh ngày 10/3/2001 và cháu Đoàn Thị Phương N, sinh ngày 23/12/2017. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đoàn Thị Phương N, còn đối với cháu Đoàn Văn Đ đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà Lan không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Đoàn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện NH, tỉnh ND vào ngày 06/6/2000. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, cũng có xảy ra mâu thuẫn, do ông T đi làm về mệt có uống rượu, khi hai vợ chồng cãi nhau không kiềm chế được bản thân nên có đánh bà L. Còn vợ ông bỏ đi từ tháng 4/2020 thì ông không biết nguyên nhân vì khi bà L bỏ nhà đi thì ông đi làm, sau đó không thấy bà L về và từ đó ông không liên lạc được với bà L.

Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L, ông T có 02 người con chung là cháu Đoàn Văn Đ, sinh ngày 10/3/2001 và cháu Đoàn Thị Phương N, sinh ngày 23/12/2017. Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đoàn Thị Phương N còn đối với cháu Đoàn Văn Đ đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo biên bản xác minh ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại tư pháp xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có nội dung:*

Trong quá trình chung sống tại địa phương không nhận được đơn yêu cầu giải quyết hoặc hòa giải về mâu thuẫn quan hệ hôn nhân của bà L, ông T nên địa phương không biết mâu thuẫn giữa bà L, ông T.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thụ lý, phân công thẩm phán; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; thủ tục công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 205, 208, 209 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 38, 51, 56, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Giao người con chung Đoàn Thị Phương N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do nguyên đơn bà Hà Thị L thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Đoàn Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại Thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

\* Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị L và ông Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện NH, tỉnh ND vào ngày 06/6/2000. Như vậy hôn nhân giữa bà L, ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình

Bà L có yêu cầu được ly hôn với lý do là ông T hay ghen tuông và có hành vi đánh đập bà L dẫn đến bà L bỏ nhà đi và sống ly thân từ năm 2003 đến năm 2010 thì hai vợ chồng quay lại chung sống với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống lại từ năm 2010 cho đến nay ông T không thay đổi mà còn thường xuyên đánh đập, chửi bới bà L nhiều hơn. Đỉnh điểm là vào tháng 4/2020 ông T đánh bà L dẫn đến bà L bỏ nhà đi và sống ly thân với ông T từ đó cho đến nay. Hiện tại bà L xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn

Ông T xác nhận trong cuộc sống vợ chồng ông cũng có hành vi đánh vợ, nguyên nhân ông cho rằng bản thân đi làm mệt mỏi và mỗi lần đánh thì ông có uống rượu, còn vợ ông bỏ đi từ tháng 4/2020 thì ông không biết nguyên nhân vì khi bà L bỏ nhà đi thì ông đi làm, sau đó không thấy vợ về và từ đó ông không liên lạc được với bà L. Nhưng ông còn thương vợ nên không muốn ly hôn, ông hứa sẽ thay đổi bản thân và xin bà L cho ông một cơ hội để hàn gắn gia đình và cùng nhau nuôi con.

Tuy nhiên, bà L không đồng ý đoàn tụ và cương quyết ly hôn vì cho rằng trong quá trình chung sống, bà L đã cho ông T nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng đến nay ông T vẫn như vậy, cứ uống rượu vào là đánh đập bà L.

Xét thấy, trong quá trình chung sống thì giữa bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng cả hai bên đã không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng, hai bên không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được.

Vì vậy, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của bà L được ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

\* Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa bà L và ông T có 02 người con chung là Đoàn Văn Đ, sinh ngày 10/3/2001 và cháu Đoàn Thị Phương N, sinh ngày 23/12/2017. Bà L và ông T đều có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đoàn Thị Phương N, còn cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể

chất và tinh thần. Hiện nay cháu Đoàn Thị Phương N dưới 03 tuổi và hiện đang được bà L nuôi dưỡng, chăm sóc, bà L có điều kiện nuôi con tốt hơn ông T. Nên yêu cầu của bà L được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận.

\* Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy, mức cấp dưỡng bà L đưa ra là phù hợp với điều kiện và sự phát triển, học tập của cháu N, nên yêu cầu cấp dưỡng của bà L được chấp nhận.

\* Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 57, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị L**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Hà Thị L được ly hôn ông Đoàn Văn T

Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**1.2. Về con chung:** Giao người con chung là Đoàn Thị Phương N, sinh ngày 23/12/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

**1.3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Ông Đoàn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng từ ngày 18/12/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền*

*thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

1.5. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Hà Thị L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019414 ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Về án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Đoàn Văn T phải nộp

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã Nghĩa Hòa, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÁ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tuyết**